

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (Áp dụng từ Khóa 18 - NH : 2012 -2013)

Tên chương trình: Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kỹ thuật Xây dựng công trình

Loại hình Đào tạo: Chính quy

(Ban hành tại quyết định số 694/2010/QĐ-VL-ĐT ngày 31/12/2010 của Hiệu trưởng trường đại học DL Văn Lang)

1. Mục tiêu đào tạo

- **Về kiến thức:** Sinh viên được trang bị các kiến thức về kết cấu công trình, các giải pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, giám sát kỹ thuật xây dựng và điều hành công trường.

- **Về kỹ năng, thái độ và đạo đức nghề nghiệp:** có khả năng thiết kế, thi công, tổ chức quản lý ... các loại công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Trong công tác đảm bảo được trình độ chuyên môn, có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, thích nghi với thị trường lao động và có tiềm năng vươn tới trình độ cao hơn trong ngành nghề.

- **Khả năng công tác:** sau khi tốt nghiệp các kỹ sư xây dựng có thể làm việc tại các công ty tư vấn xây dựng, các cơ quan quản lý trong lĩnh vực liên quan, giám sát thi công, quản lý công trình xây dựng.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4,5 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 232 ĐVHT, chưa tính Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Tuyển sinh từ những thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học khối A hằng năm theo quy định của Bộ GD&ĐT.

5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Quy trình đào tạo: Đào tạo chính qui tập trung; thực học 8 học kỳ học kỳ cuối thực tập và làm đồ án tốt nghiệp.

Điều kiện tốt nghiệp: theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ GD&ĐT.

6. Thang điểm : 10/10.

7. Nội dung chương trình và tên các học phần:

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 79 ĐVHT

7.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MÔN HỌC	SỐ ĐVHT
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	7.5
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4.5
	Tổng cộng	15

7.1.2 Ngoại ngữ

STT	MÔN HỌC	SỐ ĐVHT
1	Tiếng Anh 1	5
2	Tiếng Anh 2	5
3	Tiếng Anh 3	5
3	Tiếng Anh 4	5
4	Tiếng Anh chuyên ngành	4
	Tổng cộng	24

7.1.3 Toán-Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường

STT	MÔN HỌC	SỐ ĐVHT
1	Giải tích 1	6
2	Giải tích 2	4
3	Đại số	4
4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4
5	Vật lý đại cương 1	4
6	Vật lý đại cương 2	3
7	Thực hành vật lý đại cương	2
8	Hóa học đại cương	5
9	Thực hành hóa đại cương	1
10	Tin học đại cương	5
11	Môi trường và con người	2
	Tổng cộng	40

7.1.4 Giáo dục thể chất: 6 đvht

7.1.5 Giáo dục Quốc Phòng: 165 tiết

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 153 đvht

7.2.1 Kiến thức cơ sở ngành:

STT	MÔN HỌC	SỐ ĐVHT
1	Cơ học cơ sở 1,2	5
2	Hình họa	3
3	BTL Hình họa	1
4	Vật liệu xây dựng	4
5	TN. Vật liệu xây dựng	1
6	Sức bền vật liệu 1, 2	7
7	TN Sức bền vật liệu	1
8	BTL Sức bền vật liệu	1
9	Cơ học đất	3
10	TN Cơ học đất	1
11	Nhiệt kỹ thuật	2

12	Điện kỹ thuật	2
13	Thủy lực đại cương	2
	Tổng cộng	33

7.2.2 Kiến thức ngành:

STT	MÔN HỌC	SỐ ĐVHT
1	Cơ học kết cấu 1, 2.	7
2	Nền móng	3
3	Đồ án nền móng	2
4	Kết cấu bê tông cốt thép 1, 2	7
5	BTL Kết cấu bê tông cốt thép	1
6	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	3
7	Kết cấu thép 1, 2	7
8	BTL Kết cấu thép	1
9	Đồ án kết cấu thép	3
10	Máy thi công	2
11	Kỹ thuật thi công 1, 2	6
12	Đồ án kỹ thuật thi công	2
13	Tổ chức thi công	3
14	Đồ án tổ chức thi công	2
15	Luật xây dựng	2
16	Kinh tế xây dựng	3
17	Ứng dụng tin học trong tính toán kết cấu: Feap, Sap	5
18	Đồ án tổng hợp	8
19	Chuyên đề tự chọn	6
	Tổng cộng	73

7.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do: 27 ĐVHT

STT	MÔN HỌC	SỐ ĐVHT
1	Tin học ứng dụng (Autocad)	5
2	Vẽ kỹ thuật xây dựng	3
3	Nguyên lý kiến trúc	2
4	Đồ án kiến trúc	2
5	Cấu tạo kiến trúc 1, 2	4
6	Đồ án cấu tạo kiến trúc	2
7	Trắc địa	2
8	Thực tập trắc địa	1
9	Cấp thoát nước	2
10	Địa chất công trình	3
11	TT Địa chất công trình	1
	Tổng cộng	27

7.2.5 Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận: 20 ĐVHT

STT	MÔN HỌC	SỐ ĐVHT
1	Thực tập Tốt nghiệp	4
2	Đồ án tốt nghiệp	16
	Tổng cộng	20

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY :

ĐẠI HỌC DÂN LẬP VĂN LANG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KỸ SƯ XÂY DỰNG DÂN DỤNG - CÔNG NGHIỆP
 KHOA KIẾN TRÚC & XÂY DỰNG
 NGÀNH XÂY DỰNG

STT	MÔN HỌC	<ĐV HT>	SỐ TIẾT KẾ HOẠCH	GIAI ĐOẠN 1			GIAI ĐOẠN 2						Đồ án , BTL
				ĐẠI CƯƠNG			Thi nghiệm CHUYÊN NGÀNH , TT						Thí nghiệm, TT
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8	HK 9	
1	Toán cao cấp (A1)	4	60	6									
2	Toán cao cấp (A2)	4	60		4								
3	Toán cao cấp (A3)	6	90			4							
4	Xác suất - Thống kê	4	60			4							
5	Nhập môn tin học (A)	5	75	5									
6	Vật lý đại cương (A1)	4	60	4									
7	Vật lý đại cương (A2)	3	45		3								
8	Vật lý đại cương (A3)	0	0			0							
9	Thực hành vật lý đại cương (1)	1	15			1							
10	Thực hành vật lý đại cương (2)	1	15			1							
11	Hoá đại cương (A1)	5	75	5									
12	Thực hành hoá đại cương	1	15		1								
14	Những NL cơ bản của Mac-Lênin	7.5	112	3	4.5								
15	Tiếng Anh (1)	20	300	5	5	5	5						
16	Tiếng Anh (2)	0	0										
17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	45			3							
18	Môi trường và con người	2	30	2									
19	Cơ học cơ sở	5	75		5								
20	Giáo dục thể chất		0										
21	Giáo dục quốc phòng		0										
22	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	60				4						
24	Đường lối CM của Đảng CSVN	4.5	67.5				4.5						
25	Tin học ứng dụng (Autocad)	5	75				5						
26	Vẽ kỹ thuật xây dựng	3	45				3						
27	Hình họa	3	45			3							
28	BTL Hình họa	1	15			1							
29	Vật liệu xây dựng	4	60				4						
30	TN. Vật liệu xây dựng	1	15				1						
31	Sức bền vật liệu 1, 2	7	105				4	3					
32	TN . Sức bền vật liệu	1	15				1						
33	BTL. Sức bền vật liệu	1	15				1						
34	Cơ học kết cấu 1,2.	7	105					3	4				
35	Nguyên lý kiến trúc	2	30					2					
36	Đồ án kiến trúc	2	30					2					
37	Cấu tạo kiến trúc 1, 2	4	60					2	2				
38	Đồ án cấu tạo kiến trúc	2	30						2				
39	Trắc địa	2	30				2						
40	Thực tập trắc địa	1	15				1						
41	Nhiệt kỹ thuật	2	30				2						

42	Điện kỹ thuật	2	30					2					
43	Thủy lực đại cương	2	30					2					
44	Cấp thoát nước	2	30						2				
45	Địa chất công trình	3	45						3				
46	TT. Địa chất công trình	1	15						1				
47	Cơ học đất	3	45						3				
48	TN. Cơ học đất	1	15						1				
49	Nền móng	3	45							3			
50	Đồ án nền móng	2	30							2			
51	Kết cấu bê tông & gạch đá 1, 2	7	105							3	4		
52	BTL Kết cấu bê tông & gạch đá	1	15							1			
53	Đồ án kết cấu bê tông	3	45								3		
54	Kết cấu thép - Gỗ 1, 2	7	105							3	4		
55	BTL Kết cấu thép - Gỗ	1	15							1			
56	Đồ án kết cấu thép	3	45								3		
57	Máy thi công	2	30							2			
58	Kỹ thuật thi công 1, 2	6	90								3	3	
59	Đồ án kỹ thuật thi công	2	30									2	
60	Tổ chức thi công	3	45									3	
61	Đồ án tổ chức thi công	2	30									2	
62	Luật xây dựng	2	30								2		
63	Kinh tế xây dựng	3	45								3		
64	Chuyên đề bắt buộc: feap ,sap	5	75								5		
	Đồ án tổng hợp	8	120									8	
65	Chuyên đề tự chọn	6	90									6	
66	Thực tập Tốt nghiệp	4	60										4
67	Tốt nghiệp	16	240										16
Số đơn vị học trình / học kỳ		231	3465										
Số bài đồ án môn học				24	29	26	27	29	25	27	24	20	
Tổng số tín chỉ		231											

9. MÔ TẢ VẤN TẮT VÀ NỘI DUNG HỌC PHẦN :

9.1. Đại số:

Tập hợp và ánh xạ: Cấu trúc đại số. Số phức. Đa thức. Phân thức hữu tỉ; ma trận – Định thức. Hệ phương trình tuyến tính: Không gian vector. Không gian Euclid; Ánh xạ tuyến tính; Trị riêng và vector riêng. Dạng toàn phương.

9.2. Giải tích 1.

Số thực và dãy số thực; Hàm số một biến số. Giới hạn và liên tục; Đạo hàm và vi phân. Các định lý về hàm số và khả vi; Tích phân; Hàm số nhiều biến số; Ứng dụng phép tính vi phân vào hình học.

9.3. Giải tích 2

Tích phân bội; Tích phân đường. Tích phân mặt; Phương trình vi phân; Chuỗi.

9.4. Vật lý 1

Cơ học chất điểm; Trường hấp dẫn Newton; Cơ học hệ chất điểm cơ học vật rắn; Dao động và sóng cơ; Nhiệt học; Điện từ I; Điện từ II.

9.5. Vật lý 2

Trường và sóng điện từ; Sóng ánh sáng; Thuyết tương đối Einstein; Quang lượng tử; Cơ lượng tử; Nguyên tử – phân tử; Vật liệu điện và từ; Vật liệu quang laser; Hạt nhân – Hạt cơ bản.

9.6. Hoá học đại cương

Cấu tạo nguyên tử hệ thống tuần hoàn; Liên kết hoá học và cấu tạo phân tử; Áp dụng động học cho hoá học; Dung dịch. Dung dịch điện ly; Điện hoá học; Động hoá học; Hoá học hiện tượng bề mặt Dung dịch keo; Các chất hoá học. Hoá học khí quyển.

9.7. Tin học đại cương

Vấn đề giải quyết bài toán bằng máy tính; Thể hiện dữ liệu trong máy tính; Tổng quát về lập trình bằng VB; Quy trình thiết kế trực quan giao diện; Các kiểu dữ liệu của VB; Các lệnh định nghĩa & khai báo dữ liệu; Biểu thức VB; Các lệnh thực thi VB; Định nghĩa và sử dụng thủ tục; Quản lý hệ thống file; Giao tiếp thiết bị I/O. linh kiện phần mềm, truy xuất database; Vấn đề kiểm thử phần mềm.

9.8. Cơ học cơ sở 1

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cân bằng các chuyển động của vật rắn dưới tác động của ngoại lực và tác động tương hỗ giữa các vật với nhau, các khái niệm cơ bản và kiến thức về cân bằng và chuyển động của vật thể ở 3 phần của cơ học: Tĩnh học, động học, động lực học. Đặc biệt yêu cầu sinh viên phải nắm được các khái niệm và chương trình về cân bằng và chuyển động, liên kết, các nguyên lý cơ học.

Nội dung chính của phần bao gồm các vấn đề sau:

- Các khái niệm cơ bản về hệ tiên đề cơ học, lý thuyết về lực, bài toán cân bằng
- Các chuyển động cơ bản của vật rắn.
- Các định luật của Niuton, các định lý tổng quát của động lực học, nguyên lý Dalambe và nguyên lý di chuyển khả dĩ.

9.9. Cơ học cơ sở 2

Sau khi học xong Cơ học cơ sở 1, Cơ học cơ sở 2 nhằm đi sâu vào một số vấn đề của cơ học có nhiều ứng dụng trong kỹ thuật như lý thuyết va chạm, ổn định chuyển động và dao động cơ học trong kỹ thuật, nhằm rút ngắn khoảng cách và làm cầu nối giữa lý thuyết cơ học và các ứng dụng trong kỹ thuật.

Nội dung chính của học phần bao gồm một số vấn đề chọn lọc của cơ học chưa được đề cập tới trong Cơ học cơ sở 1, đó là:

- Chuyển động tương đối, lý thuyết va chạm
- Một số mệnh đề cơ bản của cơ học giải tích
- Lý thuyết ổn định chuyển động và dao động cơ học.

Học phần này yêu cầu phải học sau học phần Cơ học cơ sở 1

9.10. Sức bền vật liệu 1

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về tính toán độ bền và độ cứng của thanh trong các trường hợp chịu lực đơn giản: kéo, nén, uốn, xoắn nhằm làm cơ sở để nghiên cứu các trạng thái chịu lực phức tạp khác. Ngoài ra học phần này còn nhằm mục đích xây dựng và bước đầu tạo cho sinh viên những trực giác kỹ thuật trong việc nhìn nhận sự làm việc của công trình, hình ảnh vật lý của các vấn đề kỹ thuật.

Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề sau:

- Các khái niệm cơ bản về ứng lực, ứng suất trong bài toán thanh.
- Trạng thái ứng suất đơn và phức tạp trong thanh
- Các thuyết bền.
- Các đặc trưng hình học cần thiết khi tính toán thanh
- Các bài toán thanh chịu xoắn và chịu uốn phẳng.

9.11. Sức bền vật liệu 2

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sâu hơn và gắn với thực tế hơn các kiến thức đã được trình bày trong Sức bền vật liệu 1 như: thanh chịu lực

phức tạp, thanh thành mỏng, ổn định thanh chịu nén, dao động ngang của thanh, tính thanh có kể đến biến dạng dẻo v.v.

Nội dung chính của học phần bao gồm:

- Thanh chịu lực phức tạp.
- Một số vấn đề đặc biệt trong lý thuyết uốn và xoắn thanh.
- Ổn định của thanh chịu nén đúng tâm
- Thanh chịu tải trọng động
- Tính độ bền kết cấu theo trạng thái giới hạn

Học phần này yêu cầu phải học sau học phần Sức bền vật liệu 1

9.12. Cơ học kết cấu 1

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và kỹ năng tính toán nội lực các hệ thanh tĩnh làm việc trong giai đoạn đàn hồi tuyến tính. Chuẩn bị kiến thức để nghiên cứu tiếp học phần tiếp theo về tính toán hệ siêu tĩnh. Nội dung chính của học phần này là nghiên cứu các thanh phẳng tĩnh định bao gồm các vấn đề sau:

- Phân tích cấu tạo hình học
- Phân tích nội lực của hệ chịu tải bất động và di động
- Khái niệm hệ không gian

Học phần này yêu cầu phải học sau các học phần Cơ học cơ sở 1 và Sức bền vật liệu 1

9.13. Cơ học kết cấu 2

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và kỹ năng tính toán nội lực của các hệ thanh siêu tĩnh làm việc trong giai đoạn đàn hồi tuyến tính.

Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề sau:

- Xác định chuyển vị trong thanh phẳng đàn hồi tuyến tính.
- Khái niệm về hệ siwu tĩnh – bậc siêu tĩnh
- Phương pháp lực và cách tính hệ thanh phẳng siêu tĩnh
- Phương pháp chuyển vị tính hệ thanh phẳng

Học phần này yêu cầu phải học phần Cơ học kết cấu 1

9.14. Thủy lực cơ sở

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các quy luật cơ bản về cân bằngf và chuyển động của chất lỏng cùng các biện pháp áp dụng các quy luật này thực tế xây dựng. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng giải quyết các bài toán thủy lực phục vụ cho các nhu cầu về nghiên cứu, thiết kế, thi công và quản lý các hệ thống thiết bị, công trình có liên quan tới môi trường chất lỏng.

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản sau:

- Thủy tĩnh học.
- Động lực học chất lỏng.
- Sức cản thủy lực – tổn thất cột nước
- Chuyển động đều trong ống có áp, trong kênh hở, kênh kín
- Chuyển động không đều trong kênh và sông

Học phần này yêu cầu phải học sau các học phần Cơ học lý thuyết, Sức bền vật liệu.

9.15. Vật liệu xây dựng

Nội dung của học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về tính năng cơ lý và các yêu cầu kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng phổ biến: đá thiên nhiên, gốm xây dựng, kim loại, kính, chất kết dính vô cơ, vữa, bê tông nặng dùng xi măng, xilicat, gỗ, chất kết dính vô cơ, bê tông asphalt, vật liệu hoàn thiện. Ngoài các vấn đề trên còn có 5 bài thí nghiệm giới thiệu phương pháp kiểm tra đánh giá các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu xây dựng.

Học phần này được học sau các học phần Hoá học, Sức bền vật liệu.

9.16. Địa chất công trình

Địa chất công trình là học phần cơ sở nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đất đá xây dựng, một số tính chất nước, vật lý và cơ học của đất đá, nước dưới đất, các quá trình liên quan với hoạt động địa chất của mưa, nước mặt và địa chất của nước dưới đất, các hiện tượng, quá trình địa chất nội – ngoại lực, các phương pháp khảo sát địa chất công trình làm cơ sở cho công tác qui hoạch, thiết kế, thi công, khai thác, bảo vệ công trình và cảnh quan môi trường xây dựng.

Sau khi kết thúc học phần này sinh viên phải có được các kiến thức cơ bản, cập nhật về đất đá xây dựng.

Học phần này học sau các học phần Thủy lực cơ sở, Trắc địa.

9.17. Thực tập địa chất công trình

Thực tập ngoài hiện trường nhằm đánh giá điều kiện địa chất công trình của một khu vực bằng các phương pháp khảo sát địa chất công trình khác nhau: trực quan khoan, xuyên, nén, đồ hút nước thí nghiệm. Sau khi kết thúc thực tập sinh viên phải được trang bị kiến thức thực tế về địa chất công trình để có thể đánh giá được điều kiện địa mạo, cấu tạo địa chất, địa tầng, các hiện tượng quá trình địa chất phục vụ cho công tác xây dựng.

Học phần này học sau học phần Địa chất công trình.

9.18. Cơ học đất

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bản chất của đất, tác giả thuyết lý thuyết và thực nghiệm, các quá trình cơ học xảy ra trong đất khi chịu các tác động bên ngoài và bên trong, sự hình thành của đất, các pha hợp thành đất, các đặc trưng vật lý của đất, các vấn đề về biến dạng, sức chịu tải của nền đất, ổn định của khối đất và áp lực đất lên các vật rắn. Trên cơ sở đó, vận dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc sử dụng đất vào mục đích xây dựng công trình.

Nội dung chính bao gồm các vấn đề sau:

- + Các tính chất cơ học của đất.
- + Xác định ứng suất trong đất.
- + Độ bền, ổn định của khối đất, áp lực đất lên vật rắn.
- + Biến dạng của đất và tính toán độ lún của nền công trình

Học phần này học sau học phần Địa chất công trình

9.19. Môi trường trong xây dựng

Nội dung của học phần trình bày một số khái niệm và kiến thức cơ bản về môi trường trong xây dựng và sự phát triển bền vững, những nguyên lý và giải pháp bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng

Sau khi nghiên cứu học phần này sinh viên biết vận dụng các kiến thức được cung cấp vào thực tế thiết kế và thi công các công trình xây dựng.

9.20. Trắc địa

Nội dung chính của học phần này bao gồm các vấn đề trắc địa cơ bản nhưng cần thiết cho xây dựng công trình như: định vị điểm, định hướng đường thẳng, bản đồ địa hình, sử dụng bản đồ, tính toán trắc địa, đo góc, đo dài, đo cao, lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao, đo vẽ bản đồ, đo vẽ mặt cắt địa hình, các dạng công tác bố trí công trình, bố trí đường cong tròn, đo vẽ hoàn công, quan trắc biến dạng công trình.

Để học phần này yêu cầu sinh viên phải có các kiến thức toán cao cấp

9.21. Thực tập trắc địa

Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề sau:

Sử dụng máy kinh vĩ và máy nivô để đo các yếu tố cơ bản: đo góc bằng, đo góc đứng, đo dài băng vạch ngắm xa và mia đứng, đo cao lượng giác, đo cao hình học.

Học phần này học song hành với học phần trắc địa

9.22. Kết cấu bê tông cốt thép

Nội dung của học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kết cấu bê tông cốt thép cũng như khả năng thiết kế các dạng kết cấu bê tông cốt thép thông thường. Nắm được sự làm việc của bê tông và cốt thép trong kết cấu bê tông cốt thép, từ đó nắm được các nguyên lý cấu tạo và tính toán kết cấu bê tông cốt thép. Sau khi học xong, sinh viên có thể thiết kế được các dạng kết cấu bê tông cốt thép thông thường.

Nội dung của học phần bao gồm các vấn đề cơ bản sau:

- Tính toán và cấu tạo các cấu kiện chịu uốn, chịu nén, chịu xoắn và kéo.
- Tính toán biến dạng và nứt
- Tính toán và cấu tạo các cấu kiện có ứng suất trước
- Sàn phẳng

Học phần này yêu cầu sinh viên đã có các kiến thức trong các học phần Vật liệu xây dựng và Sức bền vật liệu.

9.23. Đồ án kết cấu bê tông cốt thép

Vận dụng những kiến thức đã học trong học phần Kết cấu bê tông cốt thép về tính toán và cấu tạo các cấu kiện chịu uốn để thiết kế một kết cấu cụ thể, ví dụ sàn sườn toàn khối có bản loại dầm. Tập dượt cho sinh viên cách thể hiện một bản vẽ thi công và làm quen với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

Học phần này học song hành hoặc học sau học phần Kết cấu bê tông cốt thép.

9.24. Kết cấu thép

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở của kết cấu thép bao gồm: vật liệu thép trong kết cấu xây dựng, cách tạo và tính toán các loại liên kết bulông, liên kết đinh tán, cách thiết kế các cấu kiện cơ bản như dầm thép, cột thép. Dàn thép.

Học phần này học sau các học phần Sức bền vật liệu và Cơ học kết cấu.

9.25. Nền và móng

Nội dung của học phần này đề cập tới các vấn đề sau:

Các nguyên tắc chung của thiết kế Nền và móng, tính toán các móng nông, móng sâu, các giải pháp kết cấu cũng như các phương pháp gia cố nền khi xây dựng công trình trên nền đất yếu, móng chịu tải trọng động nói chung và động đất nói riêng.

Học phần này yêu cầu sinh viên đã có kiến thức của các học phần Cơ học đất và Kết cấu Bê tông cốt thép.

9.26. Đồ án Nền và Móng

Vận dụng những kiến thức đã học trong các học phần “Cơ học đất”, “Nền và móng” để tính toán và thiết kế các móng thông thường.

Học phần này học sau học phần Kết cấu Bê tông cốt thép.

9.27. Tổ chức và quản lý thi công

Nội dung của học phần này bao gồm các phần cơ bản sau:

- Lập tiến độ xây dựng.
- Tổ chức xây dựng theo dây chuyền
- Lập tiến độ theo phương pháp sơ đồ mạng
- Tổng bình đồ xây dựng
- Quản lý dự án – Công trường xây dựng

Với nội dung trên sinh viên được trang bị các kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức sản xuất xây dựng ở công trường.

Học phần này học sau học phần Kỹ thuật thi công công trình xây dựng

9.28. Máy xây dựng

Học phần gồm 8 chương trình bày các kiến thức cơ bản về:

Đặc điểm, cấu tạo chung của Máy xây dựng
 Cấu tạo, tính năng kỹ thuật, khai thác sử dụng, tính toán đơn giản ... các loại máy thường sử dụng trong xây dựng cơ bản như máy nâng, máy làm đất, thiết bị gia cố nền móng, máy sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác máy xây dựng.

9.29. Kinh tế xây dựng

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhất về kinh tế và quản trị kinh doanh xây dựng cũng như các kiến thức về kinh tế – kỹ thuật xây dựng nhằm giúp sinh viên học tập tốt các học phần khác có liên quan và hoàn thành tốt nhiệm vụ của người kỹ sư xây dựng khi ra trường.

Nội dung học phần đề cập tới các vấn đề cơ bản sau:

- Quá trình hình thành công trình xây dựng, vai trò, đặc điểm của sản phẩm và sản xuất xây dựng.
- Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng.
- Kinh tế trong đầu tư, thiết kế và ứng dụng kỹ thuật xây dựng
- Những vấn đề cơ bản về lao động, tiền lương, cung ứng vật tư, vốn sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng.
- Giá, chi phí và lợi nhuận trong xây dựng.

Học phần này được học sau các học phần chuyên môn ngành Kỹ thuật xây dựng công trình.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:

10.1 Danh sách giảng viên cơ hữu:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1	TRẦN HOÀNG ANH		CN,Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
2	VƯƠNG THỊ VÂN ANH	11/23/1985	CN,Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
3	NGUYỄN THỊ BÍCH CHI	10/21/1986	CN,Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
4	NGUYỄN ĐẮC ANH CHƯƠNG	9/27/1971	THS,Tiếng Anh + Quản trị Kinh doanh	Tiếng Anh
5	PHẠM HOÀNG CHƯƠNG	2/10/1975	CN,Vật lý	Tin học
6	LÊ CƯỜNG	8/30/1939	CN,Toán - Cơ	Giải tích
7	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	30/12/1937	TS,Xây dựng cầu đường Triết học Khoa học xã hội và nhân văn Triết học	các môn Lý luận chính trị
8	NGUYỄN HỒNG DIÊN	2/6/1979	CN,Tin học	Tin học
9	Nguyễn Thái Diên	1963	Thạc sỹ Kiến trúc sư	Cấu tạo Kiến trúc;Đồ án Xây dựng
10	Nguyễn Tường Hồ Trung Dung	1981	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Đồ án nền móng;Thiết kế tốt nghiệp
11	Hùng Thanh Điệp	1975 1955	Kỹ sư, Xây dựng	Nền móng;Cơ học đất; Đồ án nền móng; Thiết kế tốt nghiệp
12	PHẠM GIA ĐOÀN	1/20/1946	THS,Quản trị Kinh doanh	Tiếng Anh

13	NGUYỄN VĂN ĐỨC	2/1/1954	THS, Điều tra trình sát Luật học	các môn Lý luận chính trị
14	HOÀNG HƯƠNG GIANG		CN, Tiếng Anh Kinh tế Đối ngoại	Tiếng Anh
15	MANG TẤN HẢI	1/1/1969	THS, Quản trị Kinh doanh	Lý thuyết XS&TK Toán
16	NGUYỄN THAI HẢI	9/26/1982	CN, Tin học	Tin học
17	LÊ THU HẰNG	5/15/1976	ThS, Triết học	các môn Lý luận chính trị
18	HUYNH THỊ KIM HOÀNG	1/21/1985	CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
19	LÊ VĂN HỚT	6/8/1945	TS, Toán	Giải tích
20	ĐỖ VĂN HÙNG	2/17/1969	THS, Anh văn Quản trị Kinh doanh	Tiếng Anh
21	NGUYỄN ĐẮC HÙNG	12/7/1958	THS, Quản trị Kinh doanh	Tiếng Anh
22	LÊ THỊ XUÂN HƯƠNG	1/26/1985	CN, Hóa học	Hóa học đại cương
23	NGUYỄN THANH HƯƠNG	8/14/1970	THS, Máy tính - hệ thống mạng	Tin học
24	Lương Xuân Hùng	1947	CN, Luật	Luật Xây dựng
25	PHẠM THỊ DIỆU HƯƠNG	4/26/1965	THS, Toán	Đại số, Giải tích
26	NGUYỄN HUYNH LÂM	8/14/1972	THS, Tiếng Anh	Tiếng Anh
27	Hoàng Duy Lâm	1974	Kỹ sư xây dựng	Bê tông cốt thép; Đồ án Bê tông cốt thép; Thiết kế tốt nghiệp
28	PHẠM THỊ HÀ MI	6/13/1986	CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
29	NGUYỄN THU NGUYỆT MINH	2/21/1978	CN, Tin học	Tin học
30	LÊ HỒNG NGỌC	7/1/1986	CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
31	CHÂU ĐẠI NHÂN		CN, Tin học	Tin học
32	NGUYỄN THỊ YẾN NHUNG	7/14/1986	CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
33	NGUYỄN HỒNG OANH	3/12/1986	CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
34	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	1962	CN, Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất
35	NGUYỄN THỊ THU QUYÊN	12/5/1981	THS, Vật lý	Vật lý 1,2
36	NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/4/1983	CN, Triết học	các môn Lý luận chính trị
37	LÊ VIỆT THẮNG	11/7/1969	THS, Anh văn	Tiếng Anh
38	BÙI TÁ THẠNH	6/9/1984	CN, Triết học	các môn Lý luận chính trị
39	VŨ PHƯƠNG THẢO		CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
40	KHUƠNG ĐẠI THỂ	6/1/1966	CN, Công nghệ Thông tin	Tin học
41	Thân Tấn Thịnh	1978	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Cơ học công trình
42	NGUYỄN THỌ	9/5/1950	CN, Toán	Giải tích
43	LÊ THỊ HỒNG THUY	9/9/1986	CN, Toán - Tin học	Tin học
44	NGUYỄN HỒNG NGỌC THÚY	1/8/1986	CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh

45	NGUYỄN THỊ THU THỦY	2/4/1981	THS, Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học	các môn Lý luận chính trị
46	NGUYỄN XUÂN TỐI	6/1/1951	TS, Kinh tế - Chính trị	các môn Lý luận chính trị
47	TRẦN THANH TRÚC	9/8/1967	CN, Anh văn	Tiếng Anh
48	Nguyễn Hoàng Tùng	1975	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Kết cấu thép; Đồ án Thép; Thiết kế tốt nghiệp
49	TRẦN PHƯƠNG TÙNG	6/22/1978	CN, Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất
50	BÙI THỊ VÂN	4/10/1979	CN, Tin học	Tin học
51	NGUYỄN THỊ VÂN	11/24/1985	CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
52	TRẦN KIM MỸ VÂN	9/2/1978	CN, Tin học	Tin học
53	NGUYỄN THẾ VINH	9/11/1982	CN, Tin học	Tin học
54	NGUYỄN THỊ LAN VINH	6/4/1905	CN, Sư phạm Toán học	Giải tích
55	LÊ VĂN VĨNH	11/2/1983	CN, Toán học	Giải tích
56	Trần Xuân Vinh	1957	Kiến trúc sư	Kỹ Thuật Thi công; Đồ án Kỹ thuật thi công; Thiết kế tốt nghiệp
57	VÕ ĐÌNH VŨ	5/5/1976	CN, Tin học Quản trị Kinh doanh	Tin học
58	Từ Đông Xuân	1983	Kỹ sư Xây dựng	Máy Xây dựng; Tin học UD; Thép; KC Bê tông
59	Nguyễn Thị Hoàng Yến	1979	Thạc sỹ Kỹ sư xây dựng	Vật liệu Xây dựng
60	MAI THỊ BẠCH YẾN	12/22/1986	CN, Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh
61	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	10/24/1965	CN, Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất

10.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1	VÕ BÁ TÂM	1956	Thạc sỹ Kỹ sư	Kết cấu Bê tông cốt thép 2
2	NGUYỄN QUỐC THÔNG	1959	Thạc sỹ Kỹ sư	Kết cấu Bê tông cốt thép 2
3	PHẠM NGUYỄN HỒNG	1947	Kỹ sư xây dựng	Luật Xây Dựng
4	LƯU HÒA LÝ	1962	Thạc sỹ chuyên ngành ngoại ngữ	Anh Văn Chuyên Ngành (UD)
5	NGUYỄN TOÀN ĐỨC	1959	Kỹ sư tin học	Auto Cad
6	PHAN NGỌC CHÂU	1935	Phó Giáo sư	Cơ Học Kết Cấu 1
7	BÙI TRƯỜNG SƠN	1969	Tiến sĩ Kỹ sư Xây dựng	Địa Chất Công Trình
8	LƯU NHỊ HOÀNH		Kiến trúc sư	Hình Họa (XD HK 2_2)
9	NGUYỄN VĂN TUYẾN	1941	Tiến sỹ	Môi Trường & Con Người
10	MAI VĂN THẮNG	1950	Kỹ sư xây dựng	Kỹ thuật Thi công
11	NGUYỄN VĂN SƠN	1976	Thạc sỹ Kỹ sư điện	Chuyên Đề Trang

				Thiết Bị Kỹ Thuật
12	LÊ TIỀN THUẬN	1947	Kỹ sư trắc địa	Trắc Địa
13	VŨ TIẾN ĐẠT	1943	Kỹ sư	Hình Họa 3
14	TRẦN MINH ĐỨC	1981	Kiến trúc sư - kỹ sư xây dựng	Cấu tạo Kiến trúc 2
15	HOÀNG THỊ OANH	1951	Thạc sỹ kỹ sư	Hình Họa 1
16	TRẦN CHƯƠNG		Tiến sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
17	NGUYỄN TRÍ DŨNG	1941	Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
18	TRẦN THỊ NGUYỄN HẢO	1969	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
19	LÊ TUẤN KHOA	1956	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
20	TÔ VĂN LẶN	1958	Tiến sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
21	NGUYỄN KHẮC MẠN	1954	Tiến sỹ Kỹ sư xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
22	ĐẶNG KỶ MINH	1956	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
23	VÕ PHÁN	1954	Tiến sỹ Kỹ sư xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
24	TRẦN TẤN QUỐC	1953	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
25	NGUYỄN MINH TÂM	1974	Tiến sỹ Kỹ sư xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
26	KHÔNG TRỌNG TÒAN	1965	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
27	LÊ HOÀNG TUẤN	1964	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp
28	NGUYỄN VĂN GIANG	1973	Thạc sỹ Kỹ sư Xây dựng	Thiết kế tốt nghiệp

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

11.1 Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

- Họa thất – Xưởng Thiết kế: 1 400 m²
- Phòng thí nghiệm
- Phòng máy tính

11.2 Thư viện

Thư viện trường với hơn 20.000 đầu sách đáp ứng được nhu cầu học tập cho sinh viên thuộc các nhóm ngành đào tạo của trường.

11.3 Giáo trình, tập bài giảng:

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản
1	Trắc địa Đại cương	Ng Tấn Lộc	2004	ĐHQG
2	Auto CAD	Nguyễn Hữu Lộc	2004	Tổng hợp TPHCM
3	Kết Cấu Bê Tông Cốt Thép	Bộ Xây dựng	2001	NXB Xây dựng
4	Cơ học Đất	Châu Ngọc Ân	2005	KHKT
5	Cơ học kết cấu Tập 1	GS-TS Lêu Thọ Trình	2006	Giáo dục
6	Cơ học kết cấu Tập 1	GS-TS Lêu Thọ Trình	2006	Giáo dục
7	TT Địa Chất Công Trình	Nguyễn Văn Phương	1995	Giáo dục HN
8	Điện công trình	Trần Thị Mỹ Hạnh		Xây dựng
9	Kết cấu Bê tông cốt thép	Phạm Quang Minh Ngô Thế Phong Nguyễn Đình Công	2005	KHKT
10	Kết Cấu Bê Tông Cốt Thép 2	Ngô Thế Phong Nguyễn Đình Công Huỳnh Chánh Thiện	2006	KHKT Hà Nội
11	Máy Xây dựng	Lê Văn Kiểm	1999	ĐHQG
12	Nền Móng	Châu Ngọc Ân	2005	KHKT
13	Nguyên lý thiết kế Kiến trúc	Tạ Trường Xuân	1997	Xây dựng
14	Nhiệt Kỹ Thuật			ĐHBK

15	Sức bền vật liệu	PGS-TS.Đỗ Kiến Quốc	2005	ĐHQG
16	Thủy lực Tập 1	Nguyễn Tài, Tạ Ngọc Cầu	1999	Xây dựng : Hà Nội
17	SAP2000 Thực hành phân tích và thiết kế kết cấu	Ng Hữu Anh Tuấn Đào Đình Nhân	2008	KHKT

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

26/11/12

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐL VẠN LẠNG
KHOA KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG

KS. Huỳnh Chánh Liệp